

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN ĐỊNH
TỈNH THANH HOÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 19/3/2025.

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con, chia tài sản chung khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN ĐỊNH, TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Minh Chiêu

2. Bà Hoàng Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Vinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 96/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh ĐVT, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Thôn Đông Thôn 2, xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Vũ Văn Trà – Luật sư thuộc Đoàn luật sư tỉnh Thanh Hóa.

- Bị đơn: Chị NTT, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Bái Thủy, xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị NTT, vắng mặt anh ĐVT và ông Trà (Anh ĐVT và ông Trà đã có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/5/2024, bản tự khai ngày 27/8/2024, biên bản hòa giải, đối chất và quá trình giải quyết vụ án, phía nguyên đơn trình bày:

Anh ĐVT và chị NTT kết hôn với nhau do hai bên tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại UBND xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng căng thẳng, mệt mỏi, không còn yêu thương lẫn nhau.

Anh và chị NTT đã sống ly thân kể từ năm 2018 cho đến nay, không quan tâm gì đến nhau.

Nay anh xác định thời gian ly thân của vợ chồng đã lâu, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng không còn, nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị NTT.

Về con chung: Anh ĐVT trình bày, vợ chồng có 01 con chung là ĐQV, sinh ngày 30/5/2016. Trong đơn khởi kiện, khi ly hôn, anh ĐVT đề nghị Tòa án giao con cho anh ĐVT trực tiếp nuôi dưỡng. Không yêu cầu chị NTT cấp dưỡng nuôi con. Nhưng tại buổi hòa giải, anh ĐVT đã thay đổi ý kiến đồng ý giao cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện anh ĐVT không yêu cầu Tòa án giải quyết, tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án, chị NTT đã yêu cầu chia tài sản chung nhưng anh ĐVT không đồng ý với ý kiến của chị NTT, anh trình bày vợ chồng không có tài sản chung.

Về công nợ chung: Anh ĐVT trình bày vợ chồng không có công nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 27/6/2024, biên bản lấy lời khai ngày 14/10/2024, biên bản hòa giải, đối chất và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị NTT trình bày:

- *Về hôn nhân:* Vợ chồng chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 04/01/2016 tại UBND xã Cầu Lộc, huyện Hậu Lộc, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, rồi bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên hai vợ chồng có xảy ra cãi vã. Nhưng chị NTT vẫn còn tình cảm với anh ĐVT nên chị muốn vợ chồng được hàn gắn, cùng nhau nuôi dạy con và cho con một gia đình trọn vẹn đầy đủ cha, mẹ. Vì vậy, chị không đồng ý ly hôn anh ĐVT.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là cháu ĐQV, sinh ngày 30/5/2016. Nếu vợ chồng ly hôn thì chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con 3.500.000 đồng/tháng, cấp dưỡng 1 lần bằng 350.000.000 đồng.

- *Về tài sản chung*: Chị NTT trình bày vợ chồng có số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) chung tiền mua đất với chị gái anh ĐVT tên là Đỗ Thị Thoa, sinh năm: 1984, địa chỉ: xã Thanh Hòa, huyện Bù Đốp, tỉnh Bình Phước. Chị NTT đề nghị Tòa án chia đôi giá trị tài sản này.

- *Về công nợ chung*: Vợ chồng không có công nợ chung, không yêu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà ngày 30/12/2024, chị NTT có xuất trình chứng cứ mới là 01 Đơn xin ly hôn viết tay, do chị NTT viết và chị NTT có yêu cầu giám định chữ ký của anh ĐVT trong đơn xin ly hôn này. Nên Toà án đã tạm ngừng phiên toà để tiến hành giám định. Sau khi có kết quả giám định, toà án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà, bị đơn chị NTT có quan điểm: Chị vẫn không đồng ý ly hôn, nhưng nếu phải ly hôn thì chị sẽ nhận nuôi con và đồng ý với mức cấp dưỡng nuôi con là 2.500.000 đồng/tháng mà anh ĐVT đã đưa ra, chị có nguyện vọng anh ĐVT cấp dưỡng 1 lần.

Chị NTT còn đề nghị được rút yêu cầu chia tài sản chung.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, HĐXX đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc giải quyết vụ án.

Quan điểm về việc giải quyết vụ án: Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 218 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH, đề nghị chấp nhận nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh ĐVT.

- Về hôn nhân: Đề nghị xử cho anh ĐVT được ly hôn chị NTT.

- Về con chung: Đề nghị giao cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng con chung ĐQV, sinh ngày 30/5/2016. Anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Đề nghị đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung do bị đơn đã rút yêu cầu.

- Về nợ chung: Các bên không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Về án phí: Xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị NTT là bị đơn có nơi cư trú tại xã Định Liên, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa nên việc Tòa án nhân dân huyện Yên Định giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, tiến hành thu thập chứng cứ, xác minh nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự theo đúng trình tự, thủ tục tố tụng do pháp luật quy định.

Tại phiên toà phía nguyên đơn vắng mặt, nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi tới Toà, căn cứ khoản 1 Điều 228 BLTTDS, HĐXX tiếp tục xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung.

[2] Về hôn nhân: Anh ĐVT và chị NTT tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã, anh ĐVT không còn tình cảm với chị NTT. Xác định không thể tiếp tục chung sống nên vợ chồng đã quyết định sống ly thân từ cuối năm 2018 đến nay, mỗi người ở một nơi, không quan tâm gì đến nhau.

Mặc dù kết quả giám định thể hiện chữ ký trong tài liệu là “Đơn xin ly hôn” mà chị NTT xuất trình tại Tòa án là của anh ĐVT, nhưng toàn bộ nội dung đơn do chị NTT soạn thảo, anh ĐVT chỉ là người ký. Nội dung đơn thể hiện tại thời điểm viết đơn các bên đều đồng thuận đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh chị được ly hôn. Ngoài chứng cứ nêu trên, chị NTT không xuất trình được tài liệu nào khác thể hiện rõ ràng việc ngoại tình của anh ĐVT, nên không đủ cơ sở để bác yêu cầu xin ly hôn của anh ĐVT đối với chị NTT.

Mặc dù chị NTT không muốn ly hôn nhưng lại không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng, dẫn đến vợ chồng ly thân trong thời gian dài, không có khả năng hoà hợp trở lại.

Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh ĐVT và chị NTT đã trầm trọng. Do vậy, căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh ĐVT, xử cho anh ĐVT được ly hôn chị NTT.

[3] Về con chung: Anh ĐVT và chị NTT có 01 con chung là ĐQV, sinh ngày 30/5/2016.

Lâu nay cháu Việt vẫn do chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án các bên đều thống nhất để con ở với mẹ. Cháu Việt cũng có nguyện vọng tiếp

tục được ở với chị NTT. Do vậy để đảm bảo điều kiện tốt nhất trong sinh hoạt và học tập của cháu Việt, theo nguyện vọng của cháu, Hội đồng xét xử xem xét giao con cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Quá trình giải quyết vụ án các bên không thống nhất được về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng. Tại phiên toà chị NTT đã đồng ý nhận mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng như anh ĐVT đề nghị. Do vậy, buộc anh ĐVT phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mức cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng kể từ tháng 3/2025 cho đến khi cháu ĐQV đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung:

Quá trình giải quyết vụ án, chị NTT có yêu cầu chia tài sản chung, nhưng tại phiên toà chị đã có đơn xin rút yêu cầu này. Xét thấy việc rút yêu cầu của chị NTT là tự nguyện, do vậy HĐXX đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của chị NTT.

Về công nợ chung: Các bên đều xác định không có công nợ chung và không yêu cầu gì nên HĐXX không xem xét.

[5] Về án phí:

Anh ĐVT phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Chị NTT đã rút yêu cầu chia tài sản chung, nên trả lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chung đã nộp cho chị NTT.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 218, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh ĐVT.

1. Về hôn nhân: Xử cho anh ĐVT được ly hôn chị NTT.

2. Về con chung: Giao cháu ĐQV, sinh ngày 30/5/2016 cho chị NTT trực tiếp nuôi dưỡng. Anh ĐVT cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị NTT hàng tháng, mức 2.500.000 đồng/tháng, kể từ tháng 3/2025 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Anh ĐVT có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của bị đơn chị NTT, do bị đơn đã tự nguyện rút yêu cầu.

4. Về án phí: Anh ĐVT phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0003557 ngày 12/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hóa. Anh ĐVT còn phải nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trả lại chị NTT 2.500.000 đồng chị đã nộp tạm ứng án phí, theo phiếu thu số 0003636 ngày 21/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Định.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Yên Định;
- Chi cục THADS Yên Định;
- Các đương sự;
- Nơi ĐKKH: UBND xã Cầu Lộc, Hậu Lộc;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng